

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1080/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1979
Nơi ĐKNKTT: 14 M, T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Địa chỉ liên hệ: 16 L Trong, T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1976
Địa chỉ: A M, T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Đức H (sinh ngày 23/03/2002) và Nguyễn Thị Diễm H1 (sinh ngày 22/7/2011).

Con chung Nguyễn Đức H đã trưởng thành, khoẻ mạnh, bà T và ông T1 không có yêu cầu gì.

Giao con chung Nguyễn Thị Diễm H1 cho ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Diễm H1 cho bà T. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi con chung, bà T, ông T1 có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 xác định không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; tự nguyện nộp thay ông T1 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003352 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- UBND phường V
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm